

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND xã Bình Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Kim Mỹ

Mã đơn vị: 1122611

Loại hình đơn vị: Khó khăn sự nghiệp

Mẫu số 04a-CK/TSC

CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠİ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Năm 2025

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm									
II	Tài sản giao mới									
III	Tài sản đi thuê									
IV	Tài sản nhận điều chuyển									
	Tổng cộng									

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Hiền

Ngày 10 tháng 01 năm 2025

Mầm non trường đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Quỳnh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND xã Bình Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Kim Mỹ

Mã đơn vị: 1122611

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04b-CKTSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TÀI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, Khấu viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Chú chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hàng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	17	6.029	7.983.075	4.062.984	6.036				
1.1	Đất	2	4.645	1.021.856	1.021.856	4.645				
1	Đất - Xóm 5- Xã Kim Mỹ (Khu B)	1	1.909	419.936	419.936	1.909				
2	Đất - Xóm Tân Văn, xã Kim Mỹ (Khu A)	1	2.736	601.920	601.920	2.736				
1.2	Nhà	8	1.384	5.844.388	2.993.346	1.384				
1	Dãy nhà phía đông thuộc Khu A	1	154	74.166		154				
2	Dãy nhà phía tây thuộc Khu A	1	119	63.000		119				
3	Nhà 2 tầng 6 phòng mầm non Khu B	1	378	4.827.978	2.993.346	378				
4	Nhà lớp 5 tuổi thuộc Khu A	1	73	71.161		73				
5	Nhà lớp học thuộc Khu A	1	214	129.360		214				
6	Nhà mầm non 3 lớp thuộc Khu A	1	290	556.575		290				
7	Nhà văn phòng thuộc Khu A	1	74	45.707		74				
8	Phòng tập hát thuộc Khu A	1	82	76.441		82				
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác	7		1.116.831	47.782	7				
1	Bể nước thuộc Khu B	1		55.394	8.309	1				
2	Cổng tường rào, tường bao thuộc Khu B	1		521.160		1				
3	Giếng khoan thuộc Khu B	1		28.981		1				



Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Mái che sân vận động Khu B	1		49.341	39.473	1				
5	Nhà W/C giáo viên thuộc Khu B	1		120.838		1				
6	Nhà W/C trường Mầm non thuộc Khu A	1		143.834		1				
7	Sân bê tông thuộc Khu B	1		197.282		1				
2	Xe ô tô									
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh									
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung									
2.3	Xe ô tô chuyên dùng									
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước									
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)									
4	Máy móc, thiết bị	28		478.670	189.603	28				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh									
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	28		478.670	189.603	28				
1	Bếp ga công nghiệp (Khu A)	1		13.200	8.250	1				
2	Bếp ga công nghiệp (Khu B)	1		13.200	8.250	1				
3	Bồn rửa tay di động (Khu A)	1		11.400	1.995	1				
4	Bồn rửa tay di động (Khu B)	1		11.400	1.995	1				
5	Camera an ninh trường học	1		26.520	10.608	1				
6	Điều hòa Darry 2 chiều BTU inverter	1		10.000	6.250	1				
7	Hệ thống bếp điện (Khu A)	1		59.350	44.513	1				
8	Máy Scan Plustek	1		19.900	3.980	1				
9	Máy thái rau củ đa năng (Khu A)	1		20.500	12.813	1				
10	Máy thái rau củ đa năng (Khu B)	1		22.600	16.950	1				
11	Máy tính để bàn	1		14.900	5.960	1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Máy tính để bàn FPT ELEAD T64i	1		13.000		1				
13	Máy tính để bàn FPT ELEAD T64i	1		13.000		1				
14	Máy tính Dell	1		15.800		1				
15	Tivi LG LED 55inch (5TD)	1		10.200	2.040	1				
16	Tivi Sharp 55 inch (5TA)	1		17.200	10.320	1				
17	Tivi LG 4K55inch 55 UQ7550 (3TB)	1		12.900	5.160	1				
18	Tivi LG 4K55inch 55 UQ7550 (4TA)	1		12.900	5.160	1				
19	Tivi LG 4K55inch 55 UQ7550 (4TB)	1		12.900	5.160	1				
20	Tivi LG 4K55inch 55 UQ7550 (5TC)	1		12.900	5.160	1				
21	Tivi LG LED 55 inch (5TB)	1		10.200	2.040	1				
22	Tivi LG LED 55 inch (5TE)	1		10.200	2.040	1				
23	Tivi Sharp 55 inch (3TD)	1		17.200	10.320	1				
24	Tivi Sharp 55 inch (4TE)	1		17.200	10.320	1				
25	Tivi Sharp 55 inch (4TG)	1		17.200	10.320	1				
26	Tivi Smart 55 inch L55P65 (2TC)	1		17.200		1				
27	Tivi Smart 55 inch L55P65 (4TD)	1		17.200		1				
28	Tivi Smart 55 inch (2TA)	1		28.500		1				
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng									
5	Cây lâu năm, sức vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm									
6	Tài sản cố định đặc thù									
7	Tài sản cố định hữu hình khác	20		485.226	223.460	20				
1	Bộ đồ chơi giao thông (khu A)	1		23.340	11.670	1				
2	Bộ đồ chơi giao thông (khu B)	1		23.340	11.670	1				
3	Bộ đu quay mâm có không ray (Khu A)	1		14.105	7.053	1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Bộ vận động đa năng	1		17.124	8.562	1				
5	Bộ vận động xích đu đa chức năng	1		46.099	8.067	1				
6	Bộ vui chơi vận động liên hoàn (Khu B)	1		47.500	35.625	1				
7	Bộ vui chơi vận động liên hoàn (khu A)	1		43.250	32.438	1				
8	Bồn rửa tay di động (Khu A)	1		12.000	4.500	1				
9	Bồn rửa tay di động (Khu B)	1		15.170	7.585	1				
10	Giá để xe ngoài trời (Khu A)	1		10.050	7.538	1				
11	Giá để xe ngoài trời (Khu B)	1		10.050	7.538	1				
12	Máy sấy khăn (Khu B)	1		21.400	16.050	1				
13	Máy sấy khăn (Khu A)	1		21.400	16.050	1				
14	Nồi hầm cháo (Khu A)	1		35.000		1				
15	Nồi hầm cháo 1000L (Khu B)	1		39.550	14.831	1				
16	Thang leo dây	1		16.528	2.892	1				
17	Tủ sấy bát đĩa (Khu A)	1		45.800	5.725	1				
18	Tủ sấy bát đĩa inox (Khu B)	1		15.630	11.723	1				
19	Tương năng bạch tuyết và 7 chú lợn (Khu A)	1		12.290	6.145	1				
20	Tương năng bạch tuyết và 7 chú lợn (Khu B)	1		15.600	7.800	1				
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	7		107.500	25.100	7				
1	Phần mềm hỗ trợ giáo viên soạn giảng Novie-Lerning	1		20.000	4.000	1				
2	Phần mềm kế toán Misa	1		10.000		1				
3	Phần mềm Misa Salagov quản lý quỹ lương	1		14.000	2.800	1				
4	Phần mềm Quản lý CB, CC, VC	1		12.000		1				
5	Phần mềm SISAP trao đổi thông tin giữa nhà trường, phụ huynh	1		10.000		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Phần mềm số liên lạc điện tử	1		16.500		3.300	1			
7	Phần mềm tiếng anh Smartkid	1		25.000		15.000	1			
TỔNG CỘNG		72	6.029	9.054.471	4.501.148	6.091				

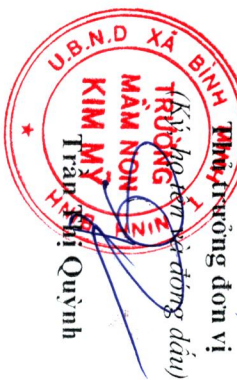
Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Hiền

..... ngày 10 tháng 01 năm 2026

Phụ Trưởng đơn vị



Tráp Sĩ Quýnh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND xã Bình Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì xử lý tài sản: Trường Mầm non Kim Mỹ

Mã đơn vị: 1122611

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TÀI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên, Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền												
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bản	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Chuyển giao	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi phí xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi chú	
Nguồn ngân sách	Nguồn khác	Thu hồi	Điều chuyển														Bản
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp																
1.1	Đất																
1.2	Nhà																
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác																
2	Xe ô tô																
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh																
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung																
2.3	Xe ô tô chuyên dùng																
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước																
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)																
4	Máy móc, thiết bị																
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh																

TRƯỜNG MẦM NON KIM MỸ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung															
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng															
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm															
6	Tài sản cố định đặc thù															
7	Tài sản cố định hữu hình khác															
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)															
	Tổng cộng															

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phạm Thị Hiền



*Trần Thị Quỳnh

Ngày 10 tháng 01 năm 2026.



Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND xã Bình Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Kim Mỹ

Mã đơn vị: 1122611

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TÀI SẢN CÔNG QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

DVT cho: Số lượng là: Cái, không viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng

STT	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1.1	Đất																
1.2	Nhà																
1.3	Tại kiến trúc, công trình xây dựng khác																
2	Xe ô tô																
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh																
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung																
2.3	Xe ô tô chuyên dùng																
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước																
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)																
4	Máy móc, thiết bị																
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh																



STT	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1																	
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung																
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng																
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm																
6	Tài sản cố định đặc thù																
7	Tài sản cố định hữu hình khác																
8	Tài sản cố định vô hình (ngoại trừ quyền sử dụng đất)																

MINH B

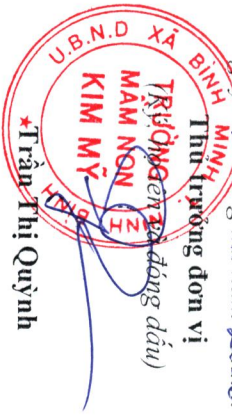
Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Hiền

Ngày: 10 tháng 01 năm 2026.

Thủ trưởng đơn vị



*Trần Thị Quỳnh